

BẢNG THANH TOÁN TIỀN PHẪU THUẬT
Tháng 10 năm 2017

STT	Chức vụ	Phẫu Thuật Viên	PHẦN THANH TOÁN												Tổng cộng	khoa
			Loại đặc biệt			Loại I			Loại II			Loại III				
			Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền		
1	Hoàng Tiến Việt	PTV chính		280.000	0	8	125.000	1.000.000	1	65.000	65.000		50.000	0	1.065.000	Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp
2	Đỗ Văn Tuyền	Gây mê chính	5	280.000	1.400.000	66	125.000	8.250.000	25	65.000	1.625.000	4	50.000	200.000	11.475.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
3	Nguyễn Xuân Thanh	Gây mê chính	6	280.000	1.680.000	56	125.000	7.000.000	26	65.000	1.690.000		50.000	0	10.370.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
4	Phạm Hồng Thanh	Gây mê chính	3	280.000	840.000	52	125.000	6.500.000	23	65.000	1.495.000	5	50.000	250.000	9.085.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
5	Nguyễn Thị Thu Hà	Dụng cụ	2	200.000	400.000	29	90.000	2.610.000	13	50.000	650.000	5	30.000	150.000	3.810.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
6	Nông Thị Tuyết Mai	Gây mê chính	1	280.000	280.000	50	125.000	6.250.000	34	65.000	2.210.000	2	50.000	100.000	8.840.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
7	Lâm Thị Phương	Phụ gây mê	2	200.000	400.000	39	90.000	3.510.000	20	50.000	1.000.000	3	30.000	90.000	5.000.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
8	Đào Hùng Hải	Phụ gây mê		200.000	0	39	90.000	3.510.000	19	50.000	950.000		30.000	0	4.460.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
9	Nguyễn Thị Huệ	Phụ gây mê	2	200.000	400.000	42	90.000	3.780.000	19	50.000	950.000	3	30.000	90.000	5.220.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
10	Ng Thị Bích Loan	Phụ gây mê	6	200.000	1.200.000	30	90.000	2.700.000	17	50.000	850.000	3	30.000	90.000	4.840.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
11	Ng Tuyết Nhung	Phụ gây mê	2	200.000	400.000	44	90.000	3.960.000	18	50.000	900.000		30.000	0	5.260.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
12	Hoàng Thị Nhung	Dụng cụ		200.000	0	10	90.000	900.000	2	50.000	100.000		30.000	0	1.000.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
13	Lã Thị Vân	Phụ gây mê	3	200.000	600.000	30	90.000	2.700.000	15	50.000	750.000	2	30.000	60.000	4.110.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
14	Phùng Thu Diệp	Dụng cụ	1	200.000	200.000	42	90.000	3.780.000	15	50.000	750.000	1	30.000	30.000	4.760.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
15	Hoàng Thị Thúy	Dụng cụ	3	200.000	600.000	30	90.000	2.700.000	22	50.000	1.100.000	2	30.000	60.000	4.460.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
16	Nguyễn Thị Vân Anh	Dụng Cụ	2	200.000	400.000	19	90.000	1.710.000	4	50.000	200.000		30.000	0	2.310.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
17	Hoàng Thị Thu Trà	Dụng cụ	2	200.000	400.000	32	90.000	2.880.000	14	50.000	700.000	1	30.000	30.000	4.010.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức

STT	Chức vụ	Phẫu Thuật Viên	PHẦN THANH TOÁN												Tổng cộng	khoa
			Loại đặc biệt			Loại I			Loại II			Loại III				
			Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền		
18	Phùng Thị Cúc	Dụng cụ	1	200.000	200.000	20	90.000	1.800.000	23	50.000	1.150.000	1	30.000	30.000	3.180.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
19	Trần Thanh Tuấn	Dụng cụ	4	200.000	800.000	41	90.000	3.690.000	15	50.000	750.000	1	30.000	30.000	5.270.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
20	Trần Thanh Tuấn	Phụ		200.000	0	2	90.000	180.000	2	50.000	100.000	1	30.000	30.000	310.000	Khoa Gây Mê Hồi Sức
21	Nguyễn Thị Đỗ Phúc	PTV chính	1	280.000	280.000	9	125.000	1.062.500	8	65.000	520.000		50.000	0	1.862.500	Khoa Mắt
22	Nguyễn Thị Phương	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000		50.000	0		30.000	0	90.000	Khoa Mắt
23	Phan Thị Dung	Phụ	1	200.000	200.000	8	90.000	675.000	8	50.000	400.000		30.000	0	1.275.000	Khoa Mắt
24	Nguyễn Thị Thanh Tâm	PTV chính		280.000	0	8	125.000	1.000.000	7	65.000	390.000		50.000	0	1.390.000	Khoa Tai Mũi Họng
25	Lưu Văn Kính	Phụ		200.000	0	7	90.000	630.000	6	50.000	275.000		30.000	0	905.000	Khoa Tai Mũi Họng
26	Nguyễn Thị Quỳnh	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000	1	50.000	25.000		30.000	0	115.000	Khoa Tai Mũi Họng
27	Lò Thị Tâm	PTV chính	1	280.000	280.000	37	125.000	4.250.000	5	65.000	325.000	1	50.000	50.000	4.905.000	Khoa Răng Hàm Mặt
28	Hà Lan Anh	PTV chính		280.000	0	1	125.000	125.000	1	65.000	65.000		50.000	0	190.000	Khoa Răng Hàm Mặt
29	Hà Lan Anh	Phụ	1	200.000	200.000	9	90.000	720.000		50.000	0	1	30.000	30.000	950.000	Khoa Răng Hàm Mặt
34	Tào Hồng Hải	PTV chính		280.000	0	4	125.000	500.000		65.000	0	1	50.000	50.000	550.000	Khoa Răng Hàm Mặt
34	Tào Hồng Hải	Phụ		200.000	0	21	90.000	1.710.000	5	50.000	250.000	1	30.000	15.000	1.975.000	Khoa Răng Hàm Mặt
32	Ng Thị Thúy Tình	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000		50.000	0		30.000	0	90.000	Khoa Răng Hàm Mặt
33	Đỗ Tân Điệp	Phụ		200.000	0	18	90.000	1.440.000	1	50.000	50.000		30.000	0	1.490.000	Khoa Răng Hàm Mặt
34	Lương Văn Hiệp	Phụ		200.000	0	5	90.000	405.000		50.000	0		30.000	0	405.000	Khoa Răng Hàm Mặt
35	Trần Cao Quyền	Phụ		200.000	0	3	90.000	225.000		50.000	0		30.000	0	225.000	Khoa Răng Hàm Mặt
36	Đỗ Thị Thủy	PTV chính		280.000	0	31	125.000	3.875.000	10	65.000	650.000		50.000	0	4.525.000	Khoa Sản
37	Đỗ Thị Thủy	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000		50.000	0		30.000	0	90.000	Khoa Sản
38	Sin Thị Huyền	PTV chính		280.000	0	18	125.000	2.250.000	13	65.000	845.000		50.000	0	3.095.000	Khoa Sản

STT	Chức vụ	Phẫu Thuật Viên	PHẦN THANH TOÁN												Tổng cộng	khoa
			Loại đặc biệt			Loại I			Loại II			Loại III				
			Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền		
39	Sin Thị Huyền	Phụ		200.000	0	6	90.000	540.000	2	50.000	100.000		30.000	0	640.000	Khoa Sản
40	Phùng Thị Duyên	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000		50.000	0		30.000	0	90.000	Khoa Sản
41	Nguyễn Thị Thập	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000		50.000	0		30.000	0	90.000	Khoa Sản
42	Đặng Thị Ngân	Phụ		200.000	0	4	90.000	360.000	3	50.000	150.000		30.000	0	510.000	Khoa Sản
43	Hoàng Thị Nhó	Phụ		200.000	0	3	90.000	270.000	1	50.000	50.000		30.000	0	320.000	Khoa Sản
44	Hà Thị Kim Diễm	Phụ		200.000	0	4	90.000	360.000	3	50.000	150.000		30.000	0	510.000	Khoa Sản
45	Bùi Thị Mạnh Ngân	Phụ		200.000	0		90.000	0	1	50.000	50.000		30.000	0	50.000	Khoa Sản
46	Nguyễn Hoàng Thạch	Phụ		200.000	0	35	90.000	3.150.000	13	50.000	650.000		30.000	0	3.800.000	Khoa Sản
47	Vũ Ngọc Quyết	PTV chính		280.000	0	31	125.000	3.875.000	8	65.000	520.000	6	50.000	300.000	4.695.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
48	Đỗ Trung Kiên	PTV Chính		280.000	0	23	125.000	2.875.000	11	65.000	715.000	2	50.000	100.000	3.690.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
49	Đặng Cao Kỳ	Phụ		200.000	0	5	90.000	450.000	2	50.000	100.000		30.000	0	550.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
50	Lộc Trần Thịnh	Phụ		200.000	0	30	90.000	2.700.000	14	50.000	700.000	7	30.000	210.000	3.610.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
51	Bùi Ngọc Hân	Phụ		200.000	0	27	90.000	2.430.000	10	50.000	500.000	2	30.000	60.000	2.990.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
52	Bùi Quang Thái	PTV Chính		280.000	0	9	125.000	1.125.000	6	65.000	390.000	1	50.000	50.000	1.565.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
53	Bùi Quang Thái	Phụ		200.000	0	3	90.000	270.000	1	50.000	50.000		30.000	0	320.000	Khoa Ngoại Tổng Hợp
54	Mã Hồng Cầu	PTV chính	2	280.000	560.000	21	125.000	2.625.000	6	65.000	390.000	1	50.000	50.000	3.625.000	Khoa Ung Bướu
55	Nguyễn Khánh Dũng	Phụ	2	200.000	400.000	22	90.000	1.980.000	1	50.000	50.000		30.000	0	2.430.000	Khoa Ung Bướu
56	Nghiêm Xuân Việt	Phụ	2	200.000	400.000	23	90.000	2.070.000	4	50.000	200.000		30.000	0	2.670.000	Khoa Ung Bướu
57	Lê Văn Lợi	PTV chính	4	280.000	1.120.000	12	125.000	1.500.000	11	65.000	715.000		50.000	0	3.335.000	Khoa CT-CH
58	Đào Thùy Dương	PTV chính	1	280.000	280.000	15	125.000	1.875.000	8	65.000	520.000		50.000	0	2.675.000	Khoa CT-CH
59	Ngọc Thanh Phương	PTV chính	6	280.000	1.680.000	4	125.000	500.000	15	65.000	975.000		50.000	0	3.155.000	Khoa CT-CH

STT	Chức vụ	Phẫu Thuật Viên	PHẦN THANH TOÁN												Tổng cộng	khoa
			Loại đặc biệt			Loại I			Loại II			Loại III				
			Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền		
60	Ngọc Thanh Phương	Phụ	1	200.000	200.000	5	90.000	450.000	4	50.000	200.000		30.000	0	850.000	Khoa CT-CH
61	Nguyễn Thị Hà B	Phụ		200.000	0	3	90.000	270.000	1	50.000	50.000		30.000	0	320.000	Khoa CT-CH
62	Phạm Ngọc Nam	Phụ	4	200.000	800.000	8	90.000	720.000	9	50.000	450.000		30.000	0	1.970.000	Khoa CT-CH
63	Ng Thị Việt Nga	Phụ	6	200.000	1.200.000	9	90.000	810.000	14	50.000	700.000		30.000	0	2.710.000	Khoa CT-CH
64	Nguyễn Văn Tích	Phụ		200.000	0	4	90.000	360.000	4	50.000	200.000		30.000	0	560.000	Khoa CT-CH
Cộng			77		17.800.000	1.172		120.382.500	544		30.355.000	57		2.155.000	170.692.500	1

Ghi chú:
số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng chẵn.

Hà Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2017
Thủ trưởng đơn vị

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Linh

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Kim Thanh

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN PHỤ CẤP PHẪU THUẬT
Tháng 10 năm 2017

STT	KHOA PHÒNG	TỔNG SỐ TIỀN	SỐ TIỀN TRỪ	TIỀN THỰC LĨNH	GHI CHÚ
1	Phòng Kế hoạch tổng hợp	1.065.000	-	1.065.000	
2	Khoa Gây mê hồi sức	97.770.000	-	97.770.000	
3	Khoa Mắt	3.227.500	-	3.227.500	
4	Khoa Răng Hàm Mặt	10.780.000	-	10.780.000	
5	Khoa Tai mũi họng	2.410.000	-	2.410.000	
6	Khoa Sản	13.720.000	-	13.720.000	
7	Khoa Ngoại tổng hợp	17.420.000	-	17.420.000	
8	Khoa Ung bướu	8.725.000	-	8.725.000	
9	Khoa CT-CH	15.575.000	-	15.575.000	
	TỔNG	170.692.500	-	170.692.500	

Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng chẵn.

Hà Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2017
Thủ trưởng đơn vị

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Linh

Đỗ Thị Kim Thanh